TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 05/5/2021
V/v tranh chấp về dân sự
Đòi lại tài sản và chia tài sản chung của hộ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hòang.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh– Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp về dân sự đòi lại tài sản và chia tài sản chung của hộ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngô Hữu Th, sinh năm 1939.

HKTT: Số nhà 252, đường Trần Hưng Đ, khóm 3, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 386, đường Nguyễn Thị Minh Kh, khóm 01, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Th: Chị Ngô Thị Bích Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 386, khóm 01, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/10/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngô Hữu Th là: Bà Trần Hồng Tr – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn:

1. Ngô Hữu T, sinh năm 1973.

2. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số nhà 252, đường Trần Hưng Đ, khóm 03, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh T và chị H: Anh Võ Minh V, sinh năm 1972; HKTT: Số 6/30, đường Nguyễn Quang D, khóm 01, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số 21, Quốc lộ 30, phường Mỹ Ph, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và bà Võ Thị Nh, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 159, đường Thiên Hộ D, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngô Tuyết Nh, sinh năm 2010.

Địa chỉ: Số nhà 252, đường Trần Hưng Đ, khóm 03, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Ngô Tuyết Nh là: Anh Ngô Hữu T, sinh năm 1973 và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Số nhà 252, đường Trần Hưng Đ, khóm 3, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh T và chị H (Đại diện theo pháp luật của Tuyết Nh): Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 159, đường Thiên Hộ D, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền.

- Người làm chứng:

1. Bà Ngô Thị K, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Tổ 07, ấp 2, xã Phương Tr, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Số 248, đường Trần Hưng Đ, tổ 31, khóm 3, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 250A, đường Trần Hưng Đ, tổ 31, khóm 3, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Ngô Thành N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 250, đường Trần Hưng Đ, tổ 31, khóm 3, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Ngô Thị Bích Th, anh Võ Minh V, bà Võ Thị Nh, bà Trần Hồng Tr có mặt; bà Ngô Thị K, bà Ngô Thị L, ông Nguyễn Văn Q, ông Ngô Thành N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu ngày 08/11/2019, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Hữu Th (có chị Ngô Thị Bích Th là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 250,6m^2, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại khóm 3, Phường 1, thành phố Cao Lãnh là của bà Phan Thị Kh (mẹ ông Ngô Hữu Th). Gia đình ông Th đã sinh sống trên diện tích đất từ năm 1970, diện tích đất do bà Phan Thị Kh quản lý và sử dụng. Vào ngày 30/9/1977, bà Kh có đi kê khai nhà đất, có đóng thuế hàng năm và sử dụng liên tục.

Đến năm 1993, bà Kh đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì bị gia đình của ông Nguyễn Phước Th tranh chấp ranh nên không có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tranh chấp kéo dài từ năm 1993 đến năm 2014.

Đến ngày 25/5/2004, bà Kh già yếu nên đã ủy quyền cho ông Th thay bà Kh đứng ra tòan quyền quyết định thương lượng với ông Th (có xác nhận của Ban nhân dân khóm 3, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), tranh chấp kéo dài đến năm 2014 thì bà Kh chết.

Năm 2014, không còn tranh chấp ranh mà tranh chấp phần diện tích đất giáp đường Trần Hưng Đ.

Năm 2016, Nhà nước thu hồi diện tích đất 21,4m^2 để thực hiện công trình đường Trần Hưng Đ. Năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh ban hành Quyết định số 1106/QĐ-UBND, ngày 11/8/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ số tiền 69.634.517 đồng.

Năm 2019, giữa ông Th và ông Th đã thoả thuận được đối với phần diện tích đất đã thu hồi, ông Th và ông Th thoả thuận chia ½ số tiền bồi thường nhưng vì tình nghĩa xóm giềng nên ông Th đồng ý giao tòan bộ số tiền bồi thường là 69.634.517 đồng cho ông Th. Số tiền này là do cá nhân ông Th muốn giải quyết với ông Th không phải là số tiền của hộ ông Th.

Do bà Kh có ông Th là người con duy nhất nên ông Th là người được hưởng thừa kế theo pháp luật của bà Kh. Vì vậy, ông Th đi kê khai, đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất. Do không hiểu biết về pháp luật nên khi đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì bị hướng dẫn nhầm lẫn là việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải cấp cho hộ. Đến ngày 14/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Hữu Th. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trong hộ gồm có: Ông Ngô Hữu Th, anh Ngô Hữu T, Nguyễn Thị Thu H và Ngô Tuyết Nh (là con của Ngô Hữu T).

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Th muốn chuyển nhượng một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở, trang trải sinh hoạt

và để an dưỡng tuổi già nhưng anh T và chị H không đồng ý ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu chia.

Diện tích đất anh T, chị H, Tuyết Nhđang tranh chấp đã được Nhà nước công nhận là của ông Th những người trong hộ chỉ sống chung trong hộ không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất.

Trong quá trình chung sống, ông Th và các con có cùng nhau sửa chữa nhà nhưng từ năm 2012 đến nay, anh T và chị H có sửa chữa lại căn nhà.

Nay ông Th yêu cầu công nhận diện tích đất 250,2m^2, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khóm 3, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo sơ đồ đo đạc ngày 28/10/2019 và ngày 29/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh) là của cá nhân ông Th. Đồng thời, yêu cầu anh T, chị H và Ngô Tuyết Nh di dời tài sản cá nhân trả lại nhà và đất cho ông Th.

Ông Th nhận thấy vì tình nghĩa cha con nên ông Th tự nguyện cho anh T và chị H số tiền là 300.00.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thống nhất lời trình bày của ông Th và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại đơn yêu cầu ngày 25/11/2019, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Hữu T và chị Nguyễn Thị Thu H (có anh Võ Minh V và bà Võ Thị Nh là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất là của ông Nguyễn Văn Tr để lại cho con là ông Nguyễn Văn Q, ông Q để lại cho ông Nguyễn Phước Th có xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cao Lãnh ngày 22/12/2006.

Sau năm 1975, ông Q cho bà Kh ở nhờ. Đến năm 2006, ông Q có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cao Lãnh yêu cầu bà Kh trả lại diện tích đất nhưng hòa giải không thành. Ông Th là con của bà Kh, sống chung với bà Kh trên đất tranh chấp từ nhỏ đến nay.

Anh T sống với cha mẹ ruột từ khi sinh ra cho đến nay. Vào khoảng năm 1993, cha mẹ ruột anh T ly hôn, sau khi cha mẹ ly hôn anh T tiếp tục sống với cha và bà nội.

Khi cha mẹ anh T ly hôn thì cha đã 54 tuổi, không có sức khỏe và công việc ổn định. Riêng bà nội cũng đã già yếu nên sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, anh T đã xin vào Ủy ban nhân dân Phường 1 đi làm, anh T là người nuôi cha và bà nội từ rất lâu.

Đến năm 2008, anh T cưới vợ. Vợ chồng anh T cũng sống với cha và bà nội. Bà nội lúc này đã già yếu không tự ăn uống, sinh hoạt được nên vợ chồng anh T phải thay nhau chăm sóc bà nội. Bên cạnh đó, cha của anh T cũng đã 70 tuổi, bị bệnh thường xuyên nên sức khỏe yếu, vợ chồng anh T cũng chăm lo cho bà Kh và nuôi ông Th.

Trong quá trình vợ chồng anh T chung sống với cha và bà nội thì căn nhà trước đây chỉ là vách lá, nền đất bao quanh bằng nilon...nên xuống cấp, không thể tiếp tục sử dụng được. Vì vậy, vợ chồng anh T đã bỏ tiền ra sửa chữa, đổ đất làm nền bằng phẳng nên tòan bộ căn nhà mới được như ngày nay. Anh T, chị H sửa chữa nhà khoảng 100.000.000 đồng.

Đến năm 2019, hộ ông Th trả tiền cho ông Th lấy từ số tiền bồi thường diện tích đất để làm đường Trần Hưng Đ số tiền 69.634.517 đồng. Sau khi nhận số tiền bồi thường thì ông Th đã ký tên đồng ý cho ông Th đi đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 250,6m^2 cho hộ ông Ngô Hữu Th vào ngày 11/4/2019, số vào sổ đăng ký CQ 878221, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại số 252, đường Trần Hưng Đ, khóm 3, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th trong hộ gồm: Ông Th, anh T, chị H và Tuyết Nh.

Nay anh T, chị H yêu cầu chia tài sản chung của hộ đối với diện tích đất 250,2m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/10/2019 và ngày 29/01/2021, anh T, chị H yêu cầu nhận diện tích đất 123m^2 nằm trong phạm vi các mốc A, 1, B, 3, 4, Z, 10, 11, 12, Y, X trở về mốc A. Phần diện tích đất còn lại anh T, chị H đồng ý giao cho ông Th.

Trên diện tích đất anh T, chị H yêu cầu có 01 phần mái che diện tích 12,2m^2, 01 phần nhà chính 48,7m^2 và 01 nhà vệ sinh diện tích 6,2m^2 anh Tài, chị H không đồng ý trả giá trị cho ông Th. Anh T, chị H cũng không đồng ý nhận số tiền 300.000.000 đồng mà ông Th đã tự nguyện cho.

Đối với các tài sản của anh T, chị H và Tuyết Nh nằm trong phạm vi các mốc Z, Y, 12, 11, 10, Z, 5, C, D trở về mốc X anh T, chị H tự nguyện di dời.

Đối với các tài sản của bà Kh và của ông Th theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/01/2021, anh T, chị H tự nguyện trả lại cho ông Th.

Đối với tiền sửa chữa căn nhà khoảng 100.000.000 đồng và công sức quản lý, giữ gìn tài sản thì anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Tuyết Nh (có người đại diện theo pháp luật là anh T và chị H) (Anh T, chị H có người đại diện theo uỷ quyền là bà Võ Thị Nh trình bày).

Ngô Tuyết Nh thống nhất theo lời trình bày của anh T, chị H và yêu cầu chia tài sản chung của hộ đối với diện tích đất 250,2m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 28/10/2019 và ngày 29/01/2021. Anh T, chị H và Tuyết Nh yêu cầu nhận diện tích đất 123m^2 nằm trong phạm vi các mốc A, 1, B, 3, 4, Z, 10, 11, 12, Y, X trở về mốc A. Phần diện tích đất còn lại thì đồng ý giao cho ông Th.

* Các đương sự thống nhất các biên bản: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/10/2019 và biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 29/01/2021; Sơ đồ đo đạc ngày 28/2019 và ngày 29/01/2021 của Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh; Biên bản định giá tài sản ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Thành. Buộc anh T, chị H và Tuyết Nh di dời các tài sản cá nhân theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/01/2021 trả lại nhà và đất cho ông Thành.

Không chấp nhận yêu cầu của anh T, chị H và Ngô Tuyết Nh.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th tự nguyện cho anh T số tiền 300.000.000 đồng.

Anh T, chị H và Tuyết Nh được lưu cư trong thời hạn là 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Ngô Hữu Th, đơn yêu cầu của anh T, chị H và Ngô Tuyết Nh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự đòi lại tài sản và chia tài sản chung của hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Diện tích đất tranh chấp toạ lạc tại tổ 31, khóm 3, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Ngô Hữu Th yêu cầu công nhận diện tích đất 250,2m^2, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khóm 3, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 28/10/2019 và ngày 29/01/2021) là của cá nhân ông Th. Đồng thời, yêu cầu anh T, chị H và Ngô Tuyết Nh di dời tài sản cá nhân trả lại nhà và đất cho ông Th.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Th được thừa kế của cụ Kh để lại vì ông Th là con trai duy nhất của cụ Kh. Tuy nhiên, khi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, ông Th kê khai và

được Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/4/2019 cho hộ ông Ngô Hữu Th. Việc ông Th kê khai đất cho hộ là do sự tự nguyện của ông Th nên Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Th cho rằng ông không đồng ý việc Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp đất cho hộ nên ông có khiếu nại nhưng ông không có chứng cứ chứng minh là đồng nghĩa với việc ông đồng ý cấp đất cho hộ. Đến khi, ông Th chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, chị H và anh T không đồng ý ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông Th mới khiếu nại và phát sinh tranh chấp.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Th, ông Th được quản lý, sử dụng diện tích đất 127,2m^2 trong phạm vi các mốc X, Y, 12, 11, 10, Z, 5, C, D trở về mốc X.

Trên diện tích đất có 01 phần mái che, 01 phần căn nhà chính và 01 căn nhà tạm ông Th được quản lý và sử dụng.

Do ông Th được quản lý, sử dụng diện tích đất 127,2m^2 nằm trong phạm vi các mốc X, Y, 12, 11, 10, Z, 5, C, D trở về mốc X nên anh Tài, chị H và Tuyết Nh phải di dời các tài sản cá nhân nằm trong phạm vi các mốc X, Y, 12, 11, 10, Z, 5, C, D trở về mốc X. Tuy nhiên, anh T, chị H và Tuyết Nh tự nguyện di dời các tài sản cá nhân trả lại diện tích đất cho ông Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T, chị H và Tuyết Nh.

[3.2] Xét yêu cầu của bị đơn.

Anh T, chị H yêu cầu chia tài sản chung của hộ đối với diện tích đất 250.2m^2 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 28/10/2019 và ngày 29/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh) anh T, chị H yêu cầu được nhận diện tích đất 123m^2 nằm trong phạm vi các mốc A, 1, B, 3, 4, Z, 10, 11, 12, Y, X trở về mốc A. Phần diện tích đất còn lại thì đồng ý giao cho ông Th.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản chung của hộ ông Ngô Hữu Th, theo văn bản số 11/CATP-QLHC, ngày 03/01/2020 về việc cung cấp thông tin của Công an thành phố Cao Lãnh thì tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th trong hộ ông Th gồm có: Ông Ngô Hữu Th, anh Ngô Hữu T, chị Nguyễn Thị Thu H và Ngô Tuyết Nh.

Do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th thì Ngô Tuyết Nh còn nhỏ không có công sức đóng góp. Vì vậy, tài sản chung được chia làm 1/3, mỗi người được nhận là 83,4m^2 nhưng anh T, chị H chỉ yêu cầu nhận diện tích 123m^2 là có lợi cho ông Th nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, chị H.

Trên diện tích đất 123m^2 nằm trong phạm vi các mốc A, 1, B, 3, 4, Z, 10, 11, 12, Y, X trở về mốc A. Anh T, chị H được quản lý, sử dụng có 01 phần mái che nằm trong phạm vi các mốc 7, 8, 11, 12 trở về mốc 7 có diện

tích 12,2m^2, 01 phần căn nhà chính nằm trong phạm vi các mốc 8, 9, 10, 11 trở về mốc 8 có diện tích 48,7m^2, 01 nhà tắm và nhà vệ sinh nằm trong phạm vi có diện tích 6,2m^2 nên anh T, chị H được tiếp tục sử dụng. Do vậy, anh T, chị H phải trả lại giá trị cho ông Th theo giá trị Hội đồng định giá ngày 05/3/2020 số tiền là 33.538.700 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Do Ngô Tuyết Nh còn nhỏ nên không có công sức đóng góp đối với diện tích đất đang tranh chấp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ngô Tuyết Nh.

[3.4] Đối với số tiền 300.000.000 đồng ông Th tự nguyện cho anh Tài và chị H nhưng anh T và chị H không đồng ý nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Đối với tiền sửa chữa căn nhà khoảng 100.000.000 đồng và công sức quản lý, giữ gìn tài sản thì anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh chấp nhận yêu cầu của ông Th, không chấp nhận yêu cầu của anh T, chị H và Tuyết Nh và buộc anh T, chị H và Tuyết Nh di dời các tài sản cá nhân trả lại nhà và đất cho ông Th là chưa có cơ sở như đã phân tích trên nên không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Th là người cao tuổi nên ông Th được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T, chị H phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 166, Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều 212 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Các Điều 100, Điều 166, Điều 170 luật đất đai năm 2013.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 4 Điều 26 và khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hữu Th, ông Th được quản lý, sử dụng diện tích đất 127,2m^2 trong phạm vi các mốc X, Y, Z, 5, C, 6, D, X trên diện tích đất có 01 phần mái che, 01 phần căn nhà chính và 01 nhà tạm.

Chấp nhận yêu cầu của anh T và chị H. Anh T, chị H được quản lý, sử dụng diện tích đất 123m^2 trong phạm vi các mốc X, A, 1, B, 2, 3, 4, Z, Y, X, A trên diện tích đất có 01 phần mái che nằm trong phạm vi các mốc 7, 8, 11, 12 trở về mốc 7 diện tích 12,2m^2; 01 phần căn nhà chính nằm trong phạm vi các mốc 8, 9, 10, 11, trở về mốc 8 diện tích 48,7m^2 và 01 nhà tắm, nhà vệ sinh diện tích 6,2m^2.

Buộc anh Ngô Hữu T và chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm liên đới trả lại giá trị 01 phần mái che, 01 phần căn nhà chính và 01 nhà tắm, nhà vệ sinh cho ông Th số tiền là 33.538.700 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngô Hữu T, Nguyễn Thị Thu H và Ngô Tuyết Nh di dời các tài sản cá nhân nằm trong phạm vi các mốc X, Y, 11, 10, Z, 5, C, D trở về mốc X.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/10/2019 và biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 29/01/2021; Sơ đồ đo đạc ngày 28/10/2019 và ngày 29/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh; Biên bản định giá tài sản ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh).

Các bên đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Hữu Th được miễn nộp tiền án phí.

Anh Ngô Hữu T và chị Nguyễn Thị Thu H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 15.821.935 đồng nhưng được trừ vào số tiền anh T, chị H đã tạm ứng là 4.351.000 đồng theo biên lai thu số 0007865 ngày 02/12/2019 và biên lai thu số 0007503 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh T, chị H phải nộp thêm số tiền là 11.470.935 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Huế

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

"***Để thi hành***"
TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***Nơi nhận*:**
- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thơm

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

Huỳnh Thị Thơm